

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/DS-ST

Ngày: 06-5-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung

2. Bà Ngô Thị Luân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 02/2024/TB-TA ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số F, đường H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Đinh Thị Minh T, sinh năm 1986; chị Đinh Thị Mai T1, sinh năm 1991; chị Đinh Thị Thu Y, sinh năm 1992; anh Đinh Văn T2, sinh năm 1994; chị Đinh Thị Tú A, sinh năm 2001. Cùng địa chỉ: Số F đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Bà **Vũ Thị Phương N**, sinh năm 1979. Địa chỉ: **Số C khu phố V, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.**

(Bà **O** có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà **Trần Thị O** trình bày: Bà và ông **Đinh Văn T3** là vợ chồng, ông **T3** đã chết ngày 15/11/2018. Ngày 01/10/2012 ông **Nguyễn Minh C** có vay của vợ chồng bà số tiền 30.000.000đồng, khi vay không ghi lãi suất trong giấy vay nhưng hai bên thỏa thuận miệng với nhau lãi suất theo mức 3%/ 1 triệu/ 1 tháng; thời hạn vay là 01/10/2013 sẽ phải trả. Từ khi vay cho đến nay thì ông **C** chưa trả cho vợ chồng bà khoản tiền lãi cũng như không trả tiền gốc. Nay ông **T3** chồng bà đã mất, bố mẹ ruột của ông **T3** cũng đã mất trước ông **T3**, ông **T3** không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, giữa bà và ông **T3** có 05 người con chung, các con của bà và ông **T3** đồng ý cho bà toàn quyền quyết định đối với số tiền trên và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bà đã đòi nhiều lần nhưng ông **C** không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **C** phải trả cho bà số tiền gốc là 30.000.000đồng, lãi theo mức 1%/ 1 triệu/ 1 tháng từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Trong giấy biên nhận phần trên thể hiện có cả tên vợ ông **C** là bà **Vũ Thị Phương N** nhưng thực tế chỉ có một mình ông **C** đến nhà bà vay tiền, bà **N** không đi cùng nên vợ chồng bà chỉ giao tiền cho một mình ông **C** và chỉ có một mình ông **C** ký, ghi họ tên vào phần người vay. Vì vậy, bà **O** xác định chỉ khởi kiện yêu cầu một mình ông **C** trả nợ, không yêu cầu bà **N** phải có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra, bà **O** không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông **Nguyễn Minh C** trình bày: Ngày 01/10/2012 ông cùng vợ là **Vũ Thị Phương N** (khi đó chưa ly hôn) có đến nhà ông **T3**, bà **O** vay 30.000.000đồng, lãi suất không ghi trong giấy vay tiền nhưng lãi suất hai bên thỏa thuận ông bà phải trả cho ông **T3** là 3%/ 1 triệu/ 1 tháng; thời hạn vay là 01/10/2013 phải trả. Vì vậy, đầu năm 2013 vợ chồng ông bà đã vay tiền tại **Ngân hàng P** 700.000.000 đồng và ngày 01/10/2013 vợ chồng ông bà đã mang tiền đến nhà ông **T3**, bà **O** và đã trả cả gốc và lãi cho ông **T3**. Đối với tiền lãi thì vay theo tháng nên hàng tháng vợ chồng ông bà đều trả lãi cho ông **T3** đầy đủ, mỗi tháng vợ chồng ông bà trả cho ông **T3** 900.000đồng tiền lãi. Tháng cuối cùng thì vợ chồng ông trả 30.000.000đồng tiền gốc và 900.000đồng tiền lãi cho ông **T3**. Vì vậy, nay bà **O** khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền gốc là 30.000.000đồng, lãi theo mức 1%/ 1 triệu/ 1 tháng từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì ông **C** không đồng ý. Ngoài ra ông **C** không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đinh Thị Minh T**, chị **Đinh Thị Mai T1**, chị **Đinh Thị Thu Y**, anh **Đinh Văn T2** và chị **Đinh Thị Tú A** cùng có ý kiến như sau: Các anh chị đều thống nhất với lời khai của bà **O**, không có ý kiến,

không có yêu cầu gì. Đồng thời, cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các anh chị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Vũ Thị Phương N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không hòa giải được và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà **O** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Minh C** phải trả cho bà **O** số tiền gốc là 30.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, bị đơn ông **C** vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **O**, buộc ông **C** phải có trách nhiệm trả cho bà **O** số tiền gốc là 30.000.000đồng, lãi là 34.611.000đồng, tổng cộng là 64.611.000đồng. Về án phí: Đề nghị buộc ông **C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn và toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà **O** cho rằng ngày 01/10/2012 vợ chồng bà có cho ông **C** vay số tiền là 30.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/ 1 triệu/ 1 tháng, thời hạn trả nợ là cuối năm 01/10/2013. Nhưng từ khi vay, ông **C** không trả cho bà tiền gốc cũng như không

trả lãi, bà đã đòi nhiều lần nhưng không được nên bà khởi kiện yêu cầu ông C phải trả cho bà số tiền gốc là 30.000.000đồng, tiền lãi theo mức 1%/ 1 tháng kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Còn ông C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà O nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông C cư trú tại **thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy ngày 01/02/2012 giữa ông T3, bà O và ông C có thỏa thuận ông T3, bà O cho ông C vay 30.0000.000đồng, bà O xuất trình cho Tòa án bản chính giấy biên nhận ngày 01/10/2012, trong giấy này thể hiện rõ người cho vay, người vay, ngày vay, số tiền vay, thời hạn trả nợ là ngày 01/10/2013. Đồng thời, ông C thừa nhận có vay của ông T3, bà O số tiền trên và thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong giấy vay tiền ngày 01/10/2012 do bà O xuất trình là do ông C ký và viết ra. Quá trình giải quyết vụ án ông C cho rằng sau khi vay thì vợ chồng ông đã trả toàn bộ số tiền gốc cũng như lãi cho ông T3, bà O vào ngày 01/10/2013 nhưng ông C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Vì vậy, việc bà O khởi kiện yêu cầu ông C phải trả 30.000.000đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, ông C cho rằng khi vay là cả ông và vợ là bà **Vũ Thị Phương N** đi vay nhưng bà O xác định do thời điểm đó ông C và bà N chưa ly hôn nên vẫn ghi tên cả hai vợ chồng nhưng thực tế chỉ có một mình ông C đến nhà bà vay tiền nên bà O chỉ yêu cầu một mình ông C trả nợ. Ngoài ra, trong giấy biên nhận ngày 01/10/2012 tại phần người vay cũng chỉ thể hiện một mình ông C ký, ghi họ tên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N đến Tòa án để làm rõ vấn đề này nhưng hiện nay bà N không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc nên không có cơ sở để xác định bà N cùng đi vay số tiền trên với ông C mà cần buộc ông C phải có trách nhiệm toàn bộ số nợ trên cho bà O.

[4] Về lãi suất:

Tại đơn khởi kiện ngày và quá trình giải quyết vụ án bà O yêu cầu ông C phải có trách nhiệm trả cho bà tiền lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, bà O yêu cầu ông C phải có trách nhiệm trả cho bà tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm 06/5/2024 là 139 tháng. Cụ thể: $30.000.000\text{đồng} \times 0,83\% / 1 \text{ tháng} \times 139 \text{ tháng} = 34.611.000\text{đồng}$. Xét thấy, mặc dù ông C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà O nhưng các đương sự

cùng xác định khi vay tiền thì có thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất là 3%/ 1 triệu/ 1 tháng nên cần xác định đây là hợp đồng vay có thỏa thuận về lãi suất. Mức lãi suất bà O yêu cầu là phù với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của bà O đối với ông C.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 30.000.000đồng, tiền lãi là 34.611.000đồng, tổng cộng là 64.611.000đồng.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể như sau: $64.611.000\text{đồng} \times 5\% = 3.231.000\text{đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 203 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với ông Nguyễn Minh C.

Buộc ông Nguyễn Minh C phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị O số tiền gốc là 30.000.000đồng, lãi là 34.611.000đồng, tổng cộng là 64.611.000đồng (sáu mươi tư triệu sáu trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Minh C phải chịu 3.231.000đồng (ba triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2024), riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Luân

Thạch Thị Lan Nhung

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh